

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 GIAO LONG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 620 GIAO LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: 620 GIAO LONG CONCRETE CORPORATION

Tên công ty viết tắt: GCC620

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1301029910

**3. Ngày thành lập:** 25/05/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Áp 7 (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 02), Xã Giao Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 0918101247

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành                                                     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4662                                                         |
| 2.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng                                                                                                                                                                                                             | 7730                                                         |
| 3.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4100                                                         |
| 4.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4312                                                         |
| 5.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4210                                                         |
| 6.  | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao<br>Chi tiết: Sản xuất bê tông tươi và các sản phẩm từ bê tông, xi măng phục vụ công trình giao thông, xây dựng thủy lợi và đô thị. Sản xuất dầm cầu bê tông dự ứng lực và công, cọc bê tông phục vụ công trình giao thông, xây dựng, thủy lợi và đô thị | 2395(Chính)                                                  |
| 7.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 0810                                                         |
| 8.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4933                                                         |
| 9.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                                     | 4661                                                         |
| 10. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê xe cơ giới, xe máy, phương tiện vận tải đường thủy, đường bộ                                                                                                                                                                                                        | 7710                                                         |
| 11. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn bê tông tươi và các sản phẩm từ bê tông, xi măng phục vụ công trình giao thông, xây dựng thủy lợi và đô thị. Bán buôn dầm cầu bê tông dự ứng lực và công, cọc bê tông phục vụ công trình giao thông, xây dựng, thủy lợi và đô thị        | 4669                                                         |
| 12. | Bốc xếp hàng hóa<br>Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường cảng sông                                                                                                                                                                                                                                                   | 5224                                                         |
| 13. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                          | 4663                                                         |
| 14. | Ghi chú: Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.                                                                                                                                 | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức   | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN HÙNG HUNG   | 418/2B Nguyễn Kiệm, Phường 03, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam         | Cổ phần phổ thông | 400.000    | 4.000.000.000         | 40,000    | 023120066                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                        | Tổng số           | 400.000    | 4.000.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | TRẦN VŨ THIÊN PHÚC | Số 25B, Cư xá Ngân Hàng, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 300.000    | 3.000.000.000         | 30,000    | 025004198                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                        | Tổng số           | 300.000    | 3.000.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | LƯU MINH NHÂN      | 249, ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông | 400.000    | 4.000.000.000         | 40,000    | 320543954                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                        | Tổng số           | 400.000    | 4.000.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                        |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LƯU MINH NHÂN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *12/02/1965*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *320543954*

Ngày cấp: *18/11/2004*

Nơi cấp: *Công an Bến Tre*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *249, ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *249, ấp Thạnh Hựu, Xã Tam Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre*